|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GDĐT QUẢNG NAM  TRƯỜNG THPT CHUYÊN  **NGUYỄN BỈNH KHIÊM**  **ĐỀ THI ĐỀ XUẤT** | **KỲ THI HỌC SINH GIỎI CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN**  **KHU VỰC DUYÊN HẢI VÀ ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ**  **LẦN THỨ XIV, NĂM 2023**  ĐỀ THI MÔN:ĐỊA LÍ LỚP 11  *Thời gian: 180 phút (Không kể thời gian giao đề)*  *Ngày thi: 15/7/2023*  **(Đề thi gồm 02 trang)** |

**Câu 1*(3,0 điểm)***

a) Chứng minh giờ Mặt Trời mọc, lặn khác nhau giữa các địa phương và thay đổi trong suốt năm. Giải thích nguyên nhân.

b) Tại sao nói đai áp thấp xích đạo được hình thành do cả nguyên nhân nhiệt lực và động lực?

**Câu 2*(2,0 điểm)***

a) Chứng minh sản xuất công nghiệp tạo điều kiện khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên và giảm mức độ chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng.

b) Tại sao dân số và nguồn lao động là nguồn lực quan trọng nhất quyết định sự phát triển kinh tế ?

**Câu 3*(3,0 điểm)***

Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:

a) Nhận xét sự phân hóa theo không gian và thời gian trong chế độ nhiệt của nước ta.

b) Tại sao nói chế độ nước của sông ngòi Việt Nam phản ánh rõ nét chế độ mưa của khí hậu?

**Câu 4*(3,0 điểm)***

Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:

a) Chứng minh sự phân bố sinh vật ở miền Tây Bắc - Bắc Trung Bộ vừa mang tính địa đới vừa mang tính phi địa đới.

b) Giải thích tại sao ở nước ta vai trò chính trong việc phân hóa thiên nhiên theo lãnh thổ không thuộc về nhân tố địa đới.

**Câu 5*(3,0 điểm)***

a) Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, chứng minh quá trình đô thị hóa nước ta đang theo sát quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa.

b) Tại sao tỉ lệ lao động thất nghiệp và thiếu việc làm ở nông thôn và thành thị của nước ta khác nhau?

**Câu 6*(3,0 điểm)***

a) Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, chứng minh ngành thủy sản của nước ta được đẩy mạnh phát triển theo hướng hàng hóa.

b) Giải thích tại sao hiện nay ở nước ta cần phải phát triển nền nông nghiệp bền vững?

**Câu 7*(3,0 điểm)***

a) Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NĂNG LƯỢNG NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2018** | **2019** | **2020** |
| Than sạch *(Nghìn tấn)* | 41664,0 | 42384,0 | 47157,7 | 48377,5 |
| Dầu thô khai thác*(Nghìn tấn)* | 18746,0 | 13969,0 | 13090,0 | 11470,0 |
| Điện phát ra *(Triệu Kwh)* | 157949,0 | 209181,0 | 227422,7 | 235410,4 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê 2021)*

Nhận xét và giải thích tốc độ tăng trưởng sản lượng than, dầu mỏ, điện của nước ta giai đoạn 2015 - 2020.

b)Tại sao hiện nay nước ta chú trọng phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao?

*……….HẾT……….*

*\* Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam (Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam).*

*\* Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.*

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GDĐT QUẢNG NAM  TRƯỜNG THPT CHUYÊN  **NGUYỄN BỈNH KHIÊM** | **HDC KỲ THI CHỌN HSG CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN KHU VỰC DH&ĐBBB 2023**  **Môn: Địa lí 11**  ***Hướng dẫn chấm gồm 05 trang*** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1**  **(3.0 điểm)** | **a** | **Chứng minh giờ Mặt Trời mọc, lặn khác nhau giữa các địa phương và thay đổi trong suốt năm. Nguyên Nhân.** | **2.0** |
| ***\* Chứng minh:***  ***-*** Mặt Trời mọc và lặn là chuyển động biểu kiến hàng ngày của Mặt Trời.  - Khác nhau giữa các địa phương:  + Giờ Mặt Trời là giờ riêng của mỗi kinh tuyến, 2 kinh tuyến gần nhau chênh nhau 4 phút.  + Giờ Mặt Trời mọc, lặn ở các địa điểm kinh tuyến Đông sớm hơn kinh tuyến Tây.  - Thay đổi trong suốt năm:  + Các địa điểm cùng nằm trên một kinh tuyến ở bán cầu mùa hạ sẽ có giờ Mặt Trời mọc sớm hơn và lặn muộn hơn so với bán cầu mùa đông.  + Trong cùng một bán cầu, mùa hạ có giờ Mặt trời mọc sớm hơn và lặn muộn hơn so với mùa đông. | 0.25  0.25  0.25  0.25  0.25 |
| ***\* Giải thích:***  - Khác nhau giữa các địa phương: Trái Đất dạng hình cầu và tự quay quanh trục theo hướng từ Tây sang Đông nên ở cùng một thời điểm các địa phương khác nhau sẽ nhìn thấy Mặt Trời ở những độ cao khác nhau.  - Thay đổi trong suốt năm:  + Trái Đất tự quay và chuyển động xung quanh Mặt Trời với trục luôn nghiêng so với mặt phẳng hoàng đạo 1 góc 66033' và không đổi phương.  + Đường phân chia sáng - tối thường xuyên thay đổi trong năm nên giờ mọc và lặn của Mặt Trời thay đổi. | 0.25  0.25  0.25 |
| **b** | **Đai áp thấp xích đạo được hình thành do cả nguyên nhân nhiệt lực và động lực.** | **1.0** |
| *-* Khí áp được hình thành do nhiệt lực và động lực. Trong đó nguyên nhân động lực cũng có nguồn gốc từ nhiệt lực.  - Nhiệt lực: tại Xích đạo, góc nhập xạ lớn quanh năm, lượng nhiệt nhận được lớn, nhiệt độ cao quanh năm, không khí nở ra, tỉ trọng giảm, khí áp giảm, hình thành áp thấp xích đạo.  - Động lực: Khu vực Xích đạo là nơi gặp gỡ giữa 2 luồng tín phong Đông Bắc và Đông Nam của 2 bán cầu thổi đến. Hai luồng gió nóng gặp nhau làm không khí bốc lên cao theo chiều thẳng đứng, khí áp giảm, hình thành áp thấp xích đạo.  - Đai áp thấp xích đạo tồn tại thường xuyên, liên tục do cả nhiệt lực và động lực nhưng nhiệt lực đóng vai trò quyết định. | 0.25  0.25  0.25  0.25 |
| **2**  **(2.0 điểm)** | **a** | **Chứng minh sản xuất công nghiệp tạo điều kiện khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên và giảm mức độ chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng.** | **1.0** |
| - ***Công nghiệp tạo điều kiện khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên:***  + Công nghiệp phát triển tạo điều kiện khai thác có hiệu quả tài nguyên ở khắp mọi nơi từ trên mặt đất, dưới lòng đất, kể cả dưới đáy biển.  + Nhờ làm tốt công tác thăm dò, khai thác và chế biến tài nguyên mà danh mục các điều kiện tự nhiên trở thành tài nguyên thiên nhiên phục vụ công nghiệp ngày càng thêm phong phú.  ***- Giảm mức độ chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng:***  + Hoạt động công nghiệp đã làm thay đổi bộ mặt kinh tế của nông thôn, làm cho nông thôn nhanh chóng bắt nhịp được với đời sống đô thị, giảm bớt sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa thành thị và nông thôn **+ C**ông nghiệp với sự hiện diện của mình đã góp phần rút ngắn khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế giữa các vùng. | 0.25  0.25  0.25  0.25 |
| **b** | **Dân số và nguồn lao động là nguồn lực quan trọng nhất quyết định sự phát triển kinh tế** | **1.0** |
| - Là yếu tố đầu vào của hoạt động kinh tế:  + Là lực lượng sản xuất trực tiếp của tất cả các ngành kinh tế, là chủ thể của sản xuất.  + Quyết định việc sử dụng các nguồn lực khác cho phát triển kinh tế.  - Tạo cầu cho nền kinh tế:  + Là thị trường tiêu thụ các sản phẩm, dịch vụ, tham gia vào việc tạo nhu cầu cho nền kinh tế.  + Qui mô và cơ cấu tiêu dùng của dân cư góp phần quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế | 0.25  0.25  0.25  0.25 |
| **3**  **(3.0 điểm)** | **a** | **Nhận xét sự phân hóa theo không gian và thời gian trong chế độ nhiệt của nước ta.** | **1.5** |
| * - Nước ta có nền nhiệt độ cao, nhiệt độ trung bình năm trên 200C   - Nhiệt độ phân hóa theo không gian:  + Theo vĩ độ: Tăng dần từ Bắc vào Nam (d/c: Lạng Sơn: 210C; TPHCM: 270C)  + Theo độ cao: Giảm dần theo độ cao (d/c: Hà Nội: 230C; Sa Pa: <180C)  - Nhiệt độ có sự phân hóa theo thời gian:  + Vào thời kì mùa đông: Nhiệt độ trung bình thấp hơn và có sự phân hóa rõ rệt giữa hai miền Bắc - Nam (d/c: MB: <180C; MN: >220C)  + Vào thời kì mùa hạ: Nhiệt độ trung bình khá cao >250C, khá đồng đều trên phạm vi toàn lãnh thổ. Nhiệt độ cao nhất ở Đồng bằng Bắc Bộ và Duyên hải Trung bộ.  - Khí hậu nước ta có thể phân chia thành 2 miền theo chế độ nhiệt: Miền Bắc có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với 1 mùa đông lạnh, miền Nam khí hậu nhiệt đới và cận xích đạo nóng quanh năm. | 0.25  0.25  0.25  0.25  0.25  0.25 |
| **b** | **Tại sao nói chế độ nước của sông ngòi Việt Nam phản ánh rõ nét chế độ mưa của khí hậu.** | **1.5** |
| - Tổng lượng nước thể hiện tổng lượng mưa: sông ngòi nước ta có nguồn cung cấp nước chính là nước mưa; nước ta có tổng lượng mưa lớn nên tổng lượng nước sông ngòi của nước ta lớn*.*  - Thủy chế sông ngòi theo mùa thể hiện phân bố mưa theo mùa:  + Mùa lũ của sông ngòi thường trùng với mùa mưa của khí hậu, tập trung 70 - 80% lượng nước cả năm, tháng đỉnh lũ thường là tháng có lượng mưa cao nhất*.*  + Mùa cạn của sông ngòi trùng với mùa khô của khí hậu, tập trung 20 - 30% lượng nước cả năm, tháng kiệt nhất là tháng mưa ít nhất *(dẫn chứng).*  - Phân hóa thời gian mùa lũ của các hệ thống sông thể hiện phân hóa mưa theo không gian:  + Miền Bắc và miền Nam: mưa vào mùa hạ từ tháng V - X, tháng mưa cực đại là tháng VIII nên mùa lũ của sông ngòi là từ tháng VI - XI, tháng đỉnh lũ là tháng VIII*.*  + Miền Trung: mùa mưa chậm dần vào thu đông (VIII - XII), tháng mưa cực đại vào tháng IX, X nên mùa lũ sông ngòi cũng chậm dần vào thu đông (IX - XII), tháng đỉnh lũ là tháng VIII hoặc tháng IX. Đầu mùa hạ có mưa dông nên sông ngòi có lũ tiểu mãn vào tháng VI.  - Chế độ mưa thất thường nên chế độ nước của sông ngòi cũng thấtthường. | 0.25  0.25  0.25  0.25  0.25  0.25 |
| **4**  **(3.0 điểm)** | **a** | **Chứng minh sự phân bố sinh vật ở miền Tây Bắc - Bắc Trung Bộ vừa mang tính địa đới vừa mang tính phi địa đới** | **1.5** |
| ***\* Tính địa đới:***  - Sự phân bố sinh vật của miền thể hiện rõ tính địa đới với các hệ sinh thái và thành phần loài đặc trưng .  - Hệ sinh thái đặc trưng là đới rừng nhiệt đới gió mùa: rừng nhiệt đới gió mùa thường xanh, rừng gió mùa nửa rụng lá, rừng thường xanh trên đá vôi... phân bố chủ yếu tại các vườn quốc gia như Bến En, Vũ Quang, Phong Nha - Kẻ Bàng, Bạch Mã,...  - Thành phần loài: trong đai nhiệt đới gió mùa, thành phần loài nhiệt đới chiếm ưu thế (thực vật phổ biến là cây họ Dầu; động vật trong rừng là các loài chim thú nhiệt đới như công, trĩ, khỉ, vượn,...)  ***\* Tính phi địa đới:***  - Đai cận nhiệt gió mùa trên núi: xuất hiện rừng cận nhiệt đới lá rộng và lá kim, với các loài cây cận nhiệt đới như dẻ, re, ôn đới như sa mu, pơ mu,... các loài chim, thú cận nhiệt đới phương Bắc  - Ở độ cao trên 1700m, rừng phát triển kém, rêu, địa y phủ kín thân, cành cây. Trong rừng xuất hiện các loài cây ôn đới và các loài chim di cư thuộc khu hệ Himalaya.  - Đai ôn đới gió mùa trên núi với độ cao từ 2600m chủ yếu ở Hoàng Liên Sơn, với các loài thực vật ôn đới như đỗ quyên, lãnh sam, thiết sam. | 0.25  0.25  0.25  0.25  0.25  0.25 |
| **b** | ***Tại sao ở nước ta vai trò chính trong việc phân hóa thiên nhiên theo lãnh thổ không thuộc về nhân tố địa đới?*** | **1.5** |
| - Sự phân hóa thiên nhiên theo lãnh thổ ở nước ta gồm phân hóa theo chiều Bắc – Nam, Đông – Tây, độ cao và phân hóa mang tính địa phương.  - Sự phân hóa theo lãnh thổ ở từng khía cạnh khác nhau sẽ có nhiều nhân tố phối hợp tác động, nhưng sẽ có một nhân tố giữ vai trò chính.  + Phân hóa Bắc – Nam: có nhiều nhân tố tác động như vĩ độ (địa đới); địa hình đặc biệt là tác động của các dãy núi chạy theo hướng Tây – Đông; tác động của hoàn lưu gió mùa đặc biệt là gió mùa mùa đông. Trong các nhân tố trên thì nhân tố gió mùa là nhân tố tác động chính.  + Phân hóa theo Đông – Tây: do tác động của biển, địa hình, gió mùa… nhưng nhân tố địa hình kết hợp với gió mùa giữ vai trò chủ yếu.  + Phân hóa theo độ cao: do tác động của vị trí, gió mùa, địa hình… trong đó địa hình giữ vai trò chính.  + Phân hóa địa phương: nhân tố tác động chủ yếu như thành phần đá, vai trò của con người… chứ không phải yếu tố địa đới. | 0.25  0.25  0.25  0.25  0.25  0.25 |
| **5**  **(3.0 điểm)** | **a** | **Chứng minh quá trình đô thị hóa nước ta đang theo sát quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa.** | **1.5** |
| - Đô thị hóa đang theo sát quá trình CNH – HĐH chính là chủ trương, đường lối phát triển kinh tế – xã hội đúng đắn ở nước ta hiện nay.  + Số dân và tỉ lệ dân thành thị nước ta có xu hướng tăng, số lượng các thành phố ngày càng tăng nhanh, đặc biệt là các thành phố lớn, lối sống thành thị ngày càng được phổ biển hơn do kết quả của quá trình CNH – HĐH (D/c)  + Các đô thị lớn thường gắn với các trung tâm công nghiệp có giá trị sản xuất lớn, cơ cấu ngành nghề đa dạng,... (D/c)  + Các vùng tập trung nhiều đô thị lớn thường gắn với hoạt động sản xuất CN phát triển (ĐNB, ĐBSH)  + Các vùng mạng lưới đô thị còn thưa thớt do công nghiệp còn kém phát triển(Tây Nguyên, Tây Bắc)  - Tuy nhiên quá trình CNH – HĐH còn diễn ra chậm nên tỉ lệ dân thành thị còn khá thấp (so với các nước trong KV và trên TG), kết cấu hạ tầng đô thị còn hạn chế, phần lớn các đô thị gắn liền với chức năng hành chính,... | 0.25  0.25  0.25  0.25  0.25  0.25 |
| **b** | **Tại sao tỉ lệ lao động thất nghiệp và thiếu việc làm ở nông thôn và thành thị của nước ta khác nhau?** | **1.5** |
| ***- Khác nhau****:*  + Tỉ lệ lao động thất nghiệp ở khu vực thành thị cao hơn ở nông thôn.  + Tỉ lệ lao động thiếu việc làm ở khu vực nông thôn cao hơn ở thành thị.  **- *Ở KV thành thị tỉ lệ lao động thất nghiệp lại cao hơn ở nông thôn vì****:*  + Chức năng kinh tế chủ yếu của đô thị là hoạt động sản xuất công nghiệp và dịch vụ đòi hỏi nguồn lao động phải có chất lượng nhất định.  + Hoạt động công nghiệp và dịch vụ diễn ra thường xuyên quanh năm, có số lượng lao động ban đầu tương đối ổn định, việc mở rộng sản xuất có quy mô lớn hơn không phải diễn ra thường xuyên.  **- *Ở KV nông thôn tỉ lệ lao động thiếu việc làm lại cao hơn ở thành thị vì:***  + Chức năng kinh tế chủ yếu ở nông thôn là hoạt động sản xuất nông nghiệp, đòi hỏi lao động chất lượng không cao bằng so với công nghiệp và dịch vụ.  + Hoạt động sản xuất nông nghiệp lại có tính mùa vụ (thời gian lao động ngắn hơn thời gian sản xuất), thời gian nông nhàn nhiều, các hoạt động phi nông nghiệp ở nông thôn còn rất hạn chế, nên tỉ lệ lao động TVL còn cao. | 0.25  0.25  0.25  0.25  0.25  0.25 |
| **6**  **(3.0 điểm)** | **a** | **Chứng minh ngành thủy sản của nước ta được đẩy mạnh phát triển theo hướng hàng hóa.** | **2.0** |
| - Có mức độ tập trung nguồn lực tự nhiên cao cho sản xuất thủy sản trên quy mô lớn:  + Bờ biển dài, vùng biển rộng, các ngư trường trọng điểm. nguồn lợi thủy sản phong phú…  + Diện tích mặt nước nuôi trồng thuỷ sản lớn( nhiều cửa sông, bãi triều, diện tích rừng ngập măn, sông ngòi, kênh rạch…)  - Trình độ thâm canh cao:  + Hệ thống trang trại phát triển mạnh với quy mô ngày càng lớn, đặc biệt là trang trại nuôi trồng thuỷ sản.  + Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất: sử dụng giống mới, kĩ thuật nuôi tôm công nghiệp; mạng lưới CNCB phân bố rộng khắp.  - Sản phẩm thủy sản ngày càng đa dạng, chất lượng ngày càng cao, đáp ứng được nhiều thị trường khó tính.  - Thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng đặc biệt là thị trường xuất khẩu đã thúc đẩy sản xuất thủy sản hàng hoá phát triển.  - Là sản phẩm chuyên môn hóa tiêu biểu của một số vùng, nhất là ĐBSCL( chiếm trên ½ sản lượng thuỷ sản trên cả nước, giá trị sản xuất thuỷ sản cao nhất cả nước trên 50%, tỉnh dẫn đầu cả nước về sản lượng thuỷ sản (An Giang, Kiên giang).  - Là mặt hàng xuất khẩu chủ lực mang lại nguồn ngoaị tệ lớn, đạt hiệu quả cao về KT-XH. | 0.25  0.25  0.25  0.25  0.25  0.25  0.25  0.25 |
| **b** | **Tại sao nước ta cần phải phát triển nền nông nghiệp bền vững?** | **1.0** |
| - Nông nghiệp nước ta phát triển còn kém bền vững, tốc độ tăng trưởng còn chậm , sức cạnh tranh thấp, chưa phát huy tốt nguồn lực cho phát triển sản xuất.  - Phát triển nền nông nghiệp bền vững:  + Nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động ở nông thôn.  + Đáp ứng ổn định lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho sản xuất và tiêu dùng trong nước, xuất khẩu cho cả trước mắt và lâu dài.  + Sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, giải quyết tốt các vấn đề xã hội gắn với bảo vệ môi trường sinh thái. | 0.25  0.25  0.25  0.25 |
| **7**  **(3.0 điểm)** | **a** | **Nhận xét, giải thích:** | **2.0** |
| *\* Nhận xét*  - Tốc độ tăng trưởng sản lượng than, dầu, điện có sự khác nhau:  + Sản lượng điện tăng nhanh, tăng liên tục (dẫn chứng)  + Sản lượng dầu mỏ giảm liên tục(dẫn chứng)  + Sản lượng than tăng liên tục (dẫn chứng).  *\* Giải thích:*  - Sản lượng điện tăng nhanh nhất:  + Do CNH, HĐH đất nước nên nhu cầu dùng điện cho sản xuất và đời sống xã hội tăng nhanh.  + Nhiều nhà máy điện có công suất lớn đi vào hoạt động(thủy điện Sơn La, nhiệt điện Phú Mỹ...), tiến bộ KH-KT, chính sách phát triển...  - SL than tăng do nhu cầu của TT mở rộng, áp dụng kĩ thuật mới trong khai thác, đổi mới tổ chức quản lí...  - Sản lượng dầu giảm do chủ yếu do thị trường có nhiều biến động... | 0.25  0.25  0.25  0.25  0.25  0.25  0.25  0.25 |
|  | **b** | **Tại sao hiện nay nước ta chú trọng phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao?** | **1.0** |
| ***- Công nghiệp công nghệ cao:***  + Là những ngành có hàm lượng cao về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.  + Tạo ra sản phẩm chất lượng cao, vượt trội và thân thiện với môi trường.  *-* ***Phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao:***  + Giúp hình thành các ngành sản xuất dịch vụ mới, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.  + Hiện đại hóa các ngành đã có đảm bảo hiệu quả kinh tế cao, phát triển bền vững công nghiệp. | 0.25  0.25  0.25  0.25 |
| **Tổng điểm toàn bài** | | | **20.0** |

*GV ra đề: Phan Thị Hồng Phước, ĐT: 0382394384*